TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 83/2020/QĐST- DS	*Đông Anh, ngày 01 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 72/2019/TLST- DS ngày 06 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Địa chỉ trụ sở chính: Số xx HV, phường LTT, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch HĐQT theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010015xxxx ngày 26/11/2018.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần X – Chi nhánh ĐHN. Địa chỉ: Số xx, đường CL, tổ x, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Theo Quyết định số

804/QĐ-X ngày 22/08/2019 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng thương mại cổ phần X v/v Ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự.

Người được ủy quyền lại tham gia quá trình tố tụng:

1. Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Cán bộ phòng KHDN5 thuộc Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh ĐHN.

2. Ông Nguyễn Cảnh M, chức vụ: Kiểm soát viên phòng KHDN5 thuộc Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh ĐHN.

Theo Giấy ủy quyền số 115/GUQ-BIDV.ĐHN ngày 03/03/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh ĐHN.

Bị đơn: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn HH, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn HH, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2. Ông Phạm Minh C, sinh năm 1962.

3. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964.

4. Anh Phạm Văn A, sinh năm 1984.

5. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987.

6. Cháu Phạm Phương A1, sinh ngày 06/11/2008 (con anh A, chị L).

7. Cháu Phạm Phương V, sinh ngày 17/4/2012 (con anh A, chị L).

8. Cháu Phạm Phương N, sinh ngày 26/5/2014 (con anh A, chị L).

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn LG, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của các cháu Phương A1, V, N là bố mẹ đẻ của các cháu là: Anh Phạm Văn A, sinh năm 1984; Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987. Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn LG, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Minh C là vợ ông C: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn LG, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai ủy quyền).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị L là chồng chị L: Anh Phạm Văn A, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn LG, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai ủy quyền).

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh ĐHN và anh Phạm Văn B đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 12.4045286.01.01 ký ngày 16/08/2012 và anh B đã được Ngân hàng giải ngân vốn vay theo Bảng kê rút vốn kèm theo ngày 16/08/2012, cụ thể như sau:

- Số tiền giải ngân cho vay là 800.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng).
- Hình thức giải ngân: Giải ngân 01 lần bằng chuyển khoản.
- Mục đích vay: Xây dựng nhà ở.
- Thời hạn vay 60 tháng từ ngày 16/08/2012 đến ngày 16/08/2017.
- Lãi suất vay tại thời điểm vay là 13%/năm. Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh vào các ngày 01/01; 01/04; 01/07; 01/10 hàng năm trong suốt thời gian vay theo thông báo của Ngân hàng. Trong trường hợp lãi suất cho vay kỳ tiếp theo không thay đổi so với kỳ gần nhất, Ngân hàng không phải làm thông báo cho bên vay.
- Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của anh Phạm Văn B tại X ĐHN là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thôn LG, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AD 55xxxx, số vào sổ cấp GCN: 271/1208/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện ĐA, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2005 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 419/TC/2011 ngày 20/04/2011 tại Văn phòng công chứng ĐA. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Trong quá trình vay vốn tại X ĐHN, anh Phạm Văn B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thường xuyên phát sinh nợ quá hạn. Kể từ thời điểm vay vốn cho đến nay, anh Phạm Văn B chỉ thanh toán được 169.850.000 đồng nợ gốc, 156.099.131 đồng nợ lãi. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ, công văn yêu cầu trả nợ nhưng anh B chưa trả nợ.

Đến hết ngày 22/6/2020, dư nợ của anh B tại Ngân hàng TMCP – Chi nhánh ĐHN là: 1.240.805.254 đồng (Một tỷ, hai trăm bốn mươi triệu, tám trăm linh năm nghìn, hai trăm năm mươi tư đồng), trong đó bao gồm:

- Nợ gốc là: 630.150.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn là: 483.724.394 đồng.
- Nợ lãi quá hạn là: 126.930.860 đồng.

Anh Phạm Văn B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền anh còn nợ Ngân hàng tính đến hết ngày 22/6/2020 là: 1.240.805.254 đồng (Một tỷ, hai trăm bốn mươi triệu, tám trăm linh năm nghìn, hai trăm năm mươi tư đồng) và tiếp tục chịu lãi theo lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 12.4045286.01.01 ký ngày 16/08/2012 trên số nợ gốc kể từ ngày 23/6/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng. Thời hạn thanh toán nợ là ngày 30/9/2020.

Nếu sau ngày 30/9/2020 mà anh B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thôn LG, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AD 55xxxx, số vào sổ cấp GCN: 271/1208/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện ĐA, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2005 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 419/TC/2011 ngày 20/04/2011 tại Văn phòng công chứng ĐA để thu hồi toàn bộ khoản nợ của anh B tại Ngân hàng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 49.224.157 đồng (Bốn mươi chín triệu, hai trăm hai mươi tư nghìn, một trăm năm mươi bảy đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu 1/2 = 24.612.078 đồng (Hai mươi tư triệu, sáu trăm mười hai nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng) tiền án phí. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để anh Phạm Văn B chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy anh Phạm Văn B phải nộp 24.612.078 đồng (Hai mươi tư triệu, sáu trăm mười hai nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 24.131.000 đồng (Hai mươi tư triệu, một trăm ba mươi mốt nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số

AA/2018/001xxxx ngày 06/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh